TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 461/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31/12/2024
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh.

Bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 576/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 565/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 366/2024/QĐST-DS ngày 16/12/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị O,** sinh năm 1991;

Địa chỉ: Khu dân cư T, phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Thế H,** sinh năm 1985; Vắng mặt.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu dân cư T, phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan (Trung Quốc).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1962; Địa chỉ: Khu dân cư T, phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị O trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Thế H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K (nay là phường T, thị xã K), tỉnh Hải Dương vào ngày 17/03/2010. Sau khi kết hôn chị và anh H về chung sống cùng với nhau tại nhà bố mẹ đẻ của anh H tại khu dân cư T, phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống cùng nhau hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi cọ nhau, vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để khắc phục nhưng không thành. Đến năm 2022 thì anh H đi lao động tại Đài Loan (Trung Quốc), vợ chồng không còn liên lạc, chia sẻ được với nhau về cuộc sống cũng như tình cảm dẫn đến các mâu thuẫn ngày càng gay gắt. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Thế H.

Về con chung: Vợ chồng chị có ba con chung là Phạm Thị Như Q, sinh ngày 01/12/2007; Phạm Thế Phú Q1, sinh ngày 08/8/2012 và Phạm Thế Minh A, sinh ngày 20/4/2020. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Như Q và Phạm Thế Minh A; con chung Phạm Thế Phú Q1 giao cho anh H nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai của bà Nguyễn Thị M (mẹ đẻ anh Phạm Thế H) thể hiện: Hiện nay anh H đang lao động tại Đài Loan (Trung Quốc), anh H vẫn liên lạc hỏi thăm gia đình. Các văn bản của Tòa án bà M đồng ý sẽ thông báo cho anh H. Anh H có quan điểm nhất trí ly hôn. Về con chung, do từ trước tới nay cả 03 cháu đều ở với bà nên bà M đồng ý sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 con chung trong trường hợp anh H được nuôi con. Về tài sản chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh tại địa phương thể hiện: Anh H và chị O kết hôn hợp pháp và có đăng ký tại địa phương. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do cả anh H và chị O đều phải đi lao động xa, mỗi người ở một nơi dẫn đến không chia sẻ được với nhau về công việc, tình cảm. Nay chị O có đơn ly hôn anh H, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Con chung của anh H và chị O, cháu Phạm Thị Như Q có nguyện vọng được ở với mẹ là Nguyễn Thị O, cháu Phạm Thế Phú Q1 có nguyện vọng được ở với bố là Phạm Thế H.

Tại phiên tòa: Chị O vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh H vắng mặt lần thứ hai. Bà M vắng mặt.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt và giấu địa chỉ. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho chị Nguyễn Thị O ly hôn anh Phạm Thế H; Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị O chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Phạm Thị Như Q và Phạm Thế Minh A. Giao cho anh Phạm Thế H chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cháu Phạm Thế Phú Q1. Chị O tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết; Về án phí: Chị O phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Phạm Thị O1 có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Phạm Thế H. Anh H đang lao động tại Đài Loan (Trung Quốc). Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Tại phiên tòa chị O1, bà M đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị O và anh Phạm Thế H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K (nay là phường T, thị xã K), tỉnh Hải Dương vào ngày 17/03/2010 nên hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị O và anh H về chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau thường xuyên xảy ra cãi nhau, vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để khắc phục nhưng không thành. Đến năm 2022 thì anh H đi lao động tại Đài Loan (Trung Quốc), vợ chồng không còn liên lạc, chia sẻ được với nhau về cuộc sống cũng như tình cảm gia đình. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị O, anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và được chứng minh bởi lời khai của các đương sự, quan điểm của gia đình, địa phương, nên có

căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị O được ly hôn anh H là phù hợp với Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị O, anh H có ba con chung là Phạm Thị Như Q, sinh ngày 01/12/2007; Phạm Thế Phú Q1, sinh ngày 08/8/2012 và Phạm Thế Minh A, sinh ngày 20/4/2020. Con chung Phạm Thị Như Q có nguyện vọng được ở với mẹ, con chung Phạm Thế Phú Q1 có nguyện vọng được ở với bố. Để đảm bảo sự ổn định và phát triển tốt nhất cho con chung chưa thành niên, HĐXX giao cho chị Nguyễn Thị O chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Phạm Thị Như Q và Phạm Thế Minh A, giao cho anh Phạm Thế H chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cháu Phạm Thế Phú Q1. Chấp nhận sự tự nguyện của chị O không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng cho con. Như vậy là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình và nguyện vọng của các đương sự. Trong thời gian anh H ở nước ngoài, tạm giao cho bà Nguyễn Thị M nuôi cháu Phạm Thế Phú Q1.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị O và anh H không đề nghị nên HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[3]. Về án phí: Chị O là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Nguyễn Thị O** ly hôn với anh **Phạm Thế H**.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị O chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Phạm Thị Như Q, sinh ngày 01/12/2007 và Phạm Thế Minh A, sinh ngày 20/4/2020. Giao cho anh Phạm Thế H chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Phạm Thế Phú Q1, sinh ngày 08/8/2012. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị O không yêu cầu anh Phạm Thế H phải cấp dưỡng cho con.

Chị Nguyễn Thị O, anh Phạm Thế H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Tạm giao cho bà Nguyễn Thị M nuôi dưỡng, chăm sóc cháu cháu Phạm Thế Phú Q1, sinh ngày 08/8/2012 trong thời gian anh H ở nước ngoài.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị O phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005299 ngày 06/11/2024.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Thế H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày. Chị Nguyễn Thị O có quyền kháng cáo bản án, bà Nguyễn Thị M được quyền kháng cáo bản án đối với phần có liên quan trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày các đương sự nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Thái Thịnh, TX. Kinh Môn (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ, Lưu VP, Lưu Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân